TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 764/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19/7/2023.
V/v "*Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN – TP. HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Chương.

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm.
2/ Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

- **Thư ký phiên tòa**: Bà Lê Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân** *huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Phùng Thị Ngọc Duyên - Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 19 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1181/2022/TLST– HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2023/ QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 176/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm:1987 (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: 119 Bùi Dương L, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Phan Văn V, sinh năm: 1987 (vắng mặt)
Địa chỉ: 39/1D, ấp T, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ghi ngày 22/9/2022, bản tự khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Sau một thời gian tìm hiểu, vào năm 2013 bà Nguyễn Thị T và ông Phan Văn V đã tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T2, tỉnh Nghệ An theo giấy chứng nhận kết hôn số 46/2013 quyển số 01/2011 ngày 14/10/2013.

Vợ chồng chỉ sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông V tính gia trưởng, ích kỷ, nhỏ nhoi, hay mắng chửi vợ con, muốn vợ con phải làm theo ý của mình, không quan tâm lo cho gia đình, chỉ coi đồng tiền là trên hết, cách suy nghĩ không cùng quan điểm, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Do không chịu nổi nên bà T với ông V đã sống ly thân từ ngày 01/9/2022 cho đến bây giờ. Nay bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng đã xung đột trầm trọng và không thể nào cải thiện được, mục đích hôn nhân và tạo lập gia đình đã không còn ý nghĩa. Hiện nay tình cảm giữa bà T và ông V đã phai nhạt, không còn yêu thương nhau, không thể chung sống với nhau. Do đó bà T yêu cầu được ly hôn với ông Phan Văn V.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà T và ông Phan Văn V có 01 con chung tên Phan Gia L sinh ngày 10/10/2012. Sau khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong vụ án này bà T khai không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành điều tra, xác minh, tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, tống đạt giấy triệu tập, tống đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ, đồng thời nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Phan Văn V vắng mặt không có lý do nên vụ án được đưa ra xét xử hôm nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu quan điểm:

Về phần thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng nội quy phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn và bị đơn cư ngụ tại huyện Hóc Môn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh theo các qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Toà án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, tống đạt giấy triệu tập, tống đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Ngoài ra, nguyên

đơn bà Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Phan Văn V tự nguyện tiến đến hôn nhân. Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 46/2013 quyển số 01/2011 do UBND xã Thanh Vân, huyện T, tỉnh Nghệ An cấp thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông V là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Do ông V không đến Tòa án để cung cấp chứng cứ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai và các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án. Bà T và ông V chỉ sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông V tính gia trưởng, ích kỷ, nhỏ nhoi, hay mắng chửi vợ con, muốn vợ con phải làm theo ý của mình, không quan tâm lo cho gia đình, chỉ coi đồng tiền là trên hết, cách suy nghĩ không cùng quan điểm, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Do không chịu nổi nên bà T với ông V đã sống ly thân từ ngày 01/9/2022 cho đến bây giờ. Nay bà T xác nhận tình cảm vợ chồng không còn yêu thương quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và không thể hàn gắn tiếp tục chung sống với nhau nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Phan Văn V. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và thông báo về phiên hòa giải nhưng ông V vẫn cố tình không đến tòa án, không trình bày ý kiến, yêu cầu của mình. Điều này chứng tỏ ông V không có thiện chí để vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn trở về sống chung với nhau. Từ đó Hội đồng xét xử xét thấy đời sống chung vợ chồng của bà T và ông V đang ở trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể kéo dài. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình để chấp nhận đơn xin ly hôn của bà T và xử cho bà T được ly hôn với ông V.

[5] Xét về yêu cầu nuôi con chung: Bà T và ông Phan Văn V có 01 con chung tên Phan Gia L sinh ngày 10/10/2012, khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu Linh hiện còn nhỏ và đang chung sống với mẹ nên việc giao con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng sẽ phù hợp với sự phát triển tâm sinh lý của trẻ chưa thành niên, đồng thời tại bản tự khai ngày 24/10/2022 của cháu Linh đều có nguyện vọng ở với mẹ do đó yêu cầu của bà T phù hợp với cháu Linh và phù hợp với các quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Ông V có quyền yêu cầu thay đổi trực tiếp quyền nuôi con và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản cấm đoán.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Trong vụ án này bà T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng, bà T phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 21, 28, 35, 39; 147; 186; 203; 207; 227; 228; 235; 264; 266; 267; 271; 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 56; 58; 81; 82; 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, tiền, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Phan Văn V.

2/ Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục con chung tên Phan Gia L sinh ngày 10/10/2012. Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con đối với ông Phan Văn V cho đến khi bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu.

Sau khi ly hôn, ông V được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở ông V thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Trong vụ án này bà T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí về hôn nhân và gia đình: Là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị T phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà bà T đã nộp theo biên lai số AA/2022/ 0014934 ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai, tuyên án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTP.Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THA Dân sự huyện Hóc Môn;
- UBND xã Thanh Vân, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu VP, hồ sơ

Nguyễn Đình Chương